TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/DS-PT
Ngày: 09 - 6 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểmnhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Đào Thị T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 5 và 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản*" do Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng bị kháng cáo theo Quyếtđịnh đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 279/2024/QĐXXPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 65/2024/QĐPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024, Quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm số 03/2025/QĐPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 05/2025/QĐPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 24/2025/QĐPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà B: Luật Sư Nguyễn Thành K thuộc Công ty L1 – Chi nhánh B4; Địa chỉ: Số B Quốc lộ A, khu phố Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt);

3. N*gười kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, bị đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà Nguyễn Thị B với bà Nguyễn Thị H có quan hệ quen biết với nhau trong vụ cà phê từ năm 2021. Do thân thiết nên hai bên chung sống với nhau để chăm sóc nhau. Mùa điều tháng 02 năm 2022, bà H lo đám cưới cho con trai có mượn của bà B số tiền 90.000.000 đồng. Số tiền mượn này bà H yêu cầu chuyển khoản cho con dâu và con gái của bà H. Do bà H bị bệnh đi lại không được nên bà nhờ bà B ra tiệm điện thoại chuyển qua số tài con dâu và con gái bà H. Hai bên thoả thuận đám cưới xong bà H sẽ trả. Khi đám cưới con trai bà H, bà H mượn bà B một số trang sức gồm: 01 sợi dây chuyền giá trị 26.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn trị giá 9.000.000 đồng; 01 đôi bông tai giá trị 5.000.000 đồng; 01 chiếc lắc tay trị giá 18.000.000 đồng; 01 bộ vòng xi men trị giá 21.000.000 đồng. Tổng vàng giá trị thành tiền là 79.000.000 đồng. Bà B không nhớ trọng lượng vàng. Sau đám cưới bà H mượn bà B tiếp 150.000.000 đồng, bà H đã nhận đủ tiền. Hẹn hết mùa điều sẽ trả cho bà B. Sau khi mua bán điều thô thua lỗ nên bà H không có tiền trả cho bà B. Sau đó, bà H hẹn để bà H gom tiền rồi trả cho bà B.

Đến tháng 12/2022, bà H bàn với bà B hùn hạp xây tiệm bán tạp hóa. Bà H có đất còn bà B bỏ tiền ra xây. Số tiền bà B bỏ ra xây tiệm tập hóa là 126.000.000 đồng tại thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Ngoài ra, bà B bỏ tiền mua 02 tủ lạnh, kệ đựng mỹ phẩm, 01 tivi, bàn thờ tổng trị giá 9.000.000 đồng.

Sau đó, gần tết năm 2022, bà H vay bà B số tiền 20.000.000 đồng mục đích trả tiền nợ cho bà Ba N. Tiếp đó, bà H vay bà B 10.000.000 đồng mục đích trả tiền vật liệu xây dựng sửa nhà riêng của bà H. Tiếp đó, bà H mượn bà B 12.000.000 đồng mục đích trả tiền cho mẹ bà H và bà B1 mỗi bà 6.000.000 đồng và mượn thêm của bà B 10.000.000 đồng trả tiền cho con dâu bà H là bà H1. Sau khi xây tiệm tạp hóa gần xong thì giữa bà B và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tin nhau nên bà H dọn về nhà riêng của bà H. Hiện nay căn nhà (tiệm tạp hóa) trên bà B đang ở. Bà B không tranh chấp đất và nhà. Sau khi bà H trả lại tiền cho bà T1 bà sẽ trả lại căn nhà trên cho bà H.

Vì vậy, bà B khởi kiện bà H, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 506.000.000 đồng.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H thừa nhận trước đây bà và bà B chung sống với nhau. Hiện nay đã mâu thuẫn nên đã sống riêng. Bà H không có vay tiền 90.000.000 đồng như bà B trình bày ở trên. Nếu bà B cho rằng tôi có vay thì đề nghị bà B cung cấp giấy chuyển khoản. Đối với số vàng gồm: 01 sợi dây chuyền 18k, 01 chiếc nhẫn vàng 18k, 01 đôi bông tai, 01 chiếc lắc tôi không vay mượn như bà B trình bày. Bà H khẳng định không có việc bà B dẫn bà H đến tiệm V1 để mua và cho bà H mượn. Đối với 01 bộ vòng xi men, thời điểm đó là 14.300.000 đồng bà H thừa nhận vào sinh nhật của bà thì bà B có tặng cho bà. Nhưng số tiền bà B mua vàng là tiền của bà H vì bà B làm công cho bà nên bà B nói cho bà B vay, đến mùa điều xong tính toán rồi bà B trả cho bà H, sau đó đến mua điều thì bà B chưa trả cho bà H. Do tin tưởng nhau nên không có giấy tờ gì. Vào mùa điều năm 2022, bà H không vay

150.000.000 đồng của bà B, bà B làm thuê cho bà thì tiền đâu mà cho bà H vay. Bà không vay tiền 20 triệu của bà B để trả bà Á. Bà H cũng không vay 10 triệu để trả cho con dâu như bà B trình bày. Do đó, bà H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Bà H xác nhận bà B có bỏ số tiền khoảng 30.000.000 đồng ra xây căn nhà diện với chiều ngang 10m x dài 05m trên đất của bà H tại thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước và bà Hòa đồng Ý trả lại cho bà B số tiền này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2025, người làm chứng ông Cao Ngọc A trình bày:

Ông A không có quan hệ thân thích gì với bà B và bà H, ông A làm nghề mua bán điện thoại di động và chuyển tiền tại thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Ông A không nhớ có chuyển khoản cho bà H như bà B khai hay không nhưng ông sẽ yêu cầu Ngân hàng S và nộp cho Tòa án theo thời gian bà B yêu cầu.

Tại Bản sao kê chi tiết giao dịch của Ngân hàng TMCP C đối với tài khoản của ông Cao Ngọc A xác định: Vào lúc 17 giờ 42 phút ngày 02/3/2022 bà Nguyễn Thị B có nhờ ông A chuyển khoản đến tài khoản số 6002205309150 của bà Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền 40.000.000 đồng.

Tại Bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H1 trình bày:

Bà H1 là con dâu của bà Nguyễn Thị H, bà H1 biết bà H sống chung với bà B như chị em. Bà H1 không nhớ rõ thời gian nhưng vào sinh nhật bà H, bà B có nhờ bà Hà T2 cho bà H một bộ X vì bà B không dám tặng sợ con bà biết.

Do đã lâu bà H1 không nhớ chính xác nhưng bà B có chuyển khoản cho bà H1 khoản 30 hay 40 triệu; số tiền đó là do bà H nhờ bà B gửi cho bà H1 để bà H1 đưa cho bà H vì lúc đó bà H về quê lo đám cưới cho em trai bà H1 nên bà H không bán được điều mà nhờ bà B bán, sau khi bán điều thì bà B chuyển khoản cho bà H.

Bà H1 không có nhận số tiền 10.000.000 đồng từ bà B mà 10.000.000 đồng này trong số tiền 40 triệu bà B chuyển khoản cho bà H1 và tiền này là do bà H cho bà H1 chứ không phải bà H vay của bà B để trả nợ cho bà H1.

Tại Bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà N1 là con gái của bà H và bà N1 cũng biết việc bà B và bà H sống chung với nhau.

Khoảng từ ngày 15/3/2022 đến 18/3/2022, bà N1 có nhận được số tiền 50.000.000 đồng do bà B chuyển. Nhưng số tiền này là tiền của bà N1 gửi cho bà H mua điều, khi bà H về quê đám cưới anh trai của bà N1 thì bà N1 yêu cầu bà H trả cho mình để mua vàng tặng anh trai nên bà H nhờ bà B bán điều để chuyển trả cho bà N1. Việc bà B cho rằng bà N1 mượn tiền bà B là không đúng vì sau đó bà

B phải vay tiền bà N1 hai lần: một lần 10.000.000 đồng để mổ mắt cho con của bà B và một lần 5.000.000 đồng khi con bà B bị tai nạn nằm viện.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/3/2025, người làm chứng bà Nguyễn Thị Á (tên gọi khác là Ba N) trình bày:

Bà Á không có quan hệ với bà B hoặc bà H. Bà Á có cho bà H vay 20.000.000 đồng nhưng sau đó bà H đã trả cho bà Á, khi trả chỉ có một mình bà H, còn tiền của ai đưa bà H thì bà Á không biết.

Tại Biên bản xác minnh ngày 26/5/2025, bà Nguyễn Thị Á trình bày: Bà Á không có quan hệ thân thích gì với bà B và bà H. Năm 2021 và 2022, bà Á có cho bà H mượn một thửa đất có diện tích khoảng hơn 1 sào để bà H phơi hạt điều, còn việc bà H hay bà B bán điều hay bán cho ai thì bà Á không biết. Bà Á khẳng định năm 2021, bà H có mượn bà Á 20.000.000 đồng và sau đó bà H đã trả tiền cho bà Á trong năm 2021, còn tiền ở đâu bà H trả cho bà Á thì bà Á không biết.

Tại Bản tự khai ngày 28/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thị Thanh T3 trình bày:

Bà T3 không có quan hệ gì với bà B và bà H. Vào khoảng năm 2022, bà H có mua thiếu vật liệu xây dựng tại cửa hàng của bà T3 và đến tháng 12 năm 2023 thì bà H có đi cùng bà B đến nhà bà T3 trả 10.000.000 đồng. Bà T3 chỉ biết bà H trả tiền cho bà T3, còn những việc khác bà T3 không biết.

Tại Biên bản xác minnh ngày 27/5/2025, bà Nguyễn Lương Thị V trình bày: Bà V là người quản lý cửa hàng vật liệu xây dựng H, bà V xác nhận ngày 14/01/2023 cửa hàng có bán vật liệu xây dựng gồm gạch, chậu rửa, bồn cầu, tôn… với tổng số tiền 24.629.000 đồng, bà B là người đứng ra mua và trả cọc cho cửa hàng được 10.000.000 đồng, còn lại đến nay bà B chưa trả cho cửa hàng. Bà V không biết bà H.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/5/2025, bà Huỳnh Thị Ngọc L trình bày: Bà L có biết hai bà B và H, trước đây bà H có bán hạt điều cho bà L, còn bà B2 chưa bao giờ báo hạt điều số lượng lớn cho bà L, bà B chỉ có bán một, hai lần cho bà L nhưng chỉ vài mươi ký do bà B nhặt được mà thôi.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/5/2025 và 03/6/2025, bà Nguyễn Thị Lam T4 trình bày: Bà Nguyễn Thị Lam T4 là người trực tiếp bán hàng tại Cửa hàng V2; bà T4 không biết bà B và bà H, trước đây bà T4 có chở vật liệu xây dựng cho ông Hoàng Duy H2 và hóa đơn 4.600.000 đồng ngày 19/12/2022 là của Cửa hàng. Bà T4 không biết gì khác, đề nghị Tòa án liên hệ anh H2 để xác minh thêm.

Các phiếu bán hàng ngày 17/12/2022 và 26/12/2022 là của Cửa hàng vật liệu xây dựng Quốc Thắng bán vật liệu xây dựng cho bà B, cửa hàng có giao vật liệu và nhận tiền của bà B, còn các hóa đơn ngày 20/12, 24/12 và 25/12/2022 cũng là do cửa hàng Quốc T5 bán và bà B đã trả tiền cho cửa hàng.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/5/2025, ông Hoàng Duy H2 trình bày: Ông H2 không có quan hệ thân thích gì với bà B và bà H. Trước đây, ông H2 làm công trình trên xã T thì ông H2 có đứng ra mua vật liệu xây dựng giúp cho bà B và bà H, ông H2 mua đất, cát, gạch, xi măng. Hóa đơn 4.600.000 đồng bà H là người

trả tiền cho ông H2, còn tiền cát đá, gạch ông H2 mua lúc đầu được ghi trên tờ lịch số tiền 30.600.000 đồng, sau đó ông H2 có mua thêm một vài thứ lặt vặt nên ông H2 ghi lại vào tờ giấy học sinh số tiền 34.200.000 đồng. Số tiền 34.200.000 đồng thì bà B là người trả cho ông H2 bằng việc bà Phạm Thị Y trả thay cho bà B, còn giữa hai bà cấn trừ như thế nào thì ông H2 chỉ biết bà Y có nợ tiền bà B và bà B đồng ý kêu bà Y trả cho ông H2. Hôm ông H2 viết giấy thì bà B và bà H có đồng ý để bà Y trả cho ông H2, nhưng sau đó bà B bỏ đi thì ông H2 ghi cho bà H.

Tại Biên bản xác minh ngày 27/5/2025, bà Phạm Thị Y trình bày: Bà Y không có thân thích gì với bà B và bà H, bà Y chỉ là hàng xóm và có quen biết với bà B và bà H. Sự việc xây nhà của bà B và bà H thì bà Y biết vì đất bà H mua của bà Y, rồi hai bà cùng xây nhà. Qua quen biết thì ông H2 có đứng ra mua vật liệu xây dựng nhà cho bà H và bà B, nhưng sau đó bà B và bà H không có tiền trả, ông H2 liên tục đòi nhưng không được trong khi đó bà Y có nợ bà B 34.200.000 đồng do bà Y mua của bà B 01 xác nhà gỗ và 01 con bò, nên bà B yêu cầu bà Y đã trả số tiền này cho ông H2.

Tại Biên bản xác minh ngày 27/5/2025, bà Trần Thị Thu T6 trình bày: Bà T6 xác nhận hóa đơn ngày 06/6/2023 là của Cửa hàng T8, theo đó cửa hàng có bán một tủ và một tủ phấn nhưng do thời gian đã lâu nên cửa hàng không nhớ loại tủ và người mua do người mua đã trả tiền đủ nên cửa hàng không lưu tâm.

Tại Biên bản xác minh ngày 05/6/2025, ông Lê Nguyễn D trình bày: Phiếu báo giá có tên hàng "V40cam, số lượng 07c, đơn giá 250, thành tiền 1.750.000" về hình thức, nội dung trên Phiếu báo giá là giống với phiếu báo giá hiện tại của cửa hàng, Phiếu này dùng để đi giao hàng và thường 03 liên: hồng, vàng và trắng. Thường Cửa hàng sẽ giao cho khách liên hồng hoặc vàng. Tuy nhiên, cửa không không xác định được thực tế có bán vật liệu như trên hay không và cũng không xác định được người mua và người trả tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 *của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đã quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị B số tiền 75.810.000 đồng (gồm vật liệu xây dựng 50.810.000 đồng và tiền công thợ 25.000.000 đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 430.190.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 88/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 11/10/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chỉ chấp nhận trả cho bà B số tiền 34.500.000 đồng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tốdân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tốdân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và bị đơn Nguyễn Thị H, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước do thu thập chứng cứ không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị B và bị đơn bà Nguyễn Thị H thực hiện trong thời hạn luật định; đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị H, nhận thấy:

[2.1] Đối với số tiền bà Nguyễn Thị H3 vay của bà Nguyễn Thị B

Quá trình giải quyết ở Tòa án sơ thẩm, bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc vay tiền của bà H nên Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà B là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị Thanh H1 là con gái và con dâu của bà H thừa nhận trong thời gian bà B và bà H chung sống, bà B có chuyển khoản cho bà N1 50.000.000 đồng và bà H1 40.000.000 đồng như bà B trình bày. Lời khai của bà B, bà N1, bà H phù hợp với lời khai của người làm chứng Cao Ngọc A nên có căn cứ xác định bà B chuyển tiền cho bà H1 và bà N1 theo yêu cầu của bà H. Bà H1 cho rằng số tiền 40.000.000 đồng là do bà H chuyển cho mình nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận; tương tự, bà N1 cho rằng bà H yêu cầu bà B bán điều để gửi cho bà H như bà H trình bày nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh trong khi bà B không thừa nhận; thêm vào đó, kết quả xác minh tại những

người được bà H yêu cầu Tòa án xác minh để chứng minh cho phần trình bày của bà H cũng không có cơ sở, không chứng minh được số tiền 50.000.000 đồng là do bà B bán điều giúp bà H, cụ thể: bà Nguyễn Thị Á chỉ xác định có cho bà H mượn đất để phơi điều, còn việc mua bán như thế nào bà Á không biết và bà Huỳnh Thị Ngọc L cũng xác định bà L không mua điều của bà B, bà L chỉ mua của bà B vài mươi ký do bà B nhặt được nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận phần trình bày của bà H, bà N1 và bà H1. Do đó, yêu cầu kháng cáo về phần tiền vay của bà B có căn cứ chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[2.1] Đối với số tiền bà Nguyễn Thị B bỏ ra để mua vật liệu xây nhà chung với bà Nguyễn Thị H.

Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm căn cứ vào các hóa đơn sửa chữa ngày, tháng; không ghi ngày tháng, không ghi người mua… do các đương sự cung cấp để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B là chưa chắc chắn. Theo kết quả xác minh của cấp phúc thẩm xác định: Ông Hoàng Huy D1 có mua vật liệu xây dựng giúp cho bà B, bà H số tiền 34.200.000 đồng, bà B đã trả cho ông H2 thông qua việc bà Phạm Thị Y trả số tiền này thay cho bà B, việc trả nợ này bà H biết. Ngoài ra, bà B có mua một số vật liệu như gạch cháy, kẽm, dai sắt… ngày 17/12/2022 trị giá 8.605.000 đồng, xi măng theo hóa đơn không ghi ngày trị giá 3.250.000 đồng tại cửa hàng V2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; gạch men, bồn cầu, bồn rửa chén… tại cửa hàng V3, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước trị giá 24.629.000 đồng; mua sắt tại Công ty cổ phần T9 – Chi nhánh S1 Đông tại thị trấn Đ, huyện B tỉnh Bình Phước số tiền 1.750.000 đồng, tổng cộng 72.434.000 đồng nên được chấp nhận. Cần buộc bà Nguyễn Thị H trả lại cho bà B 72.434.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng và 25.000.000 đồng tiền công xây nhà của ông Đinh Xuân T7, tổng cộng là 97.434.000 đồng.

Đối với hóa đơn mua gạch cháy, xi măng ngày 16/12/2022 trị giá 4.600.000 đồng, ông Hoàng Duy H2 xác nhận người trả tiền cho ông H2 là bà H và các hóa đơn ngày 20, 24 và 25/12/2022 của Cửa hàng vật liệu xây dựng Q, bà Nguyễn Thị Lam T4 không xác định có giao vật liệu cho bà B hay không và hóa đơn được in vào năm 2023, tại phiên tòa bà B cũng xác định hóa đơn này bà B xin lại khi Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, hóa đơn mua tủ phấn không liên quan đến căn nhà nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa xác định Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ đầy đủ để làm căn cứ xác định phần góp của bà B trong căn nhà mà bà B và bà H xây chung là đúng. Tuy nhiên, căn nhà vừa mới xây nên giá trị khấu hao không đáng kể và trong quá trình xét xử bà H thống nhất sẽ trả lại số tiền mà bà B đã bỏ ra để xây dựng căn nhà. Bên cạnh đó, nếu Tòa án phúc thẩm khắc phục thiếu sót của cấp sơ thẩm là tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì chi phí tố tụng sẽ lớn hơn so với giá trị các bên được đảm bảo khi chiết khấu giá trị căn nhà. Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm đã ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1 và bà Nguyễn Thị Thanh H1; việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà N1, bà H1 nên không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót trong quá trình thu thập chứng cứ dẫn đến không chấp nhận toàn bộ yêu cầu bà H trả tiền vay bà B, Tòa án chưa xác minh đánh giá đúng các tài liệu, chứng cứ về số tiền bà B bỏ ra để cùng bà H xây nhà để chấp nhận buộc bà H trả cho bà B là không chính xác. Do đó, cần sửa Bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại số tiền bà B bỏ ra xây dựng nhà theo biên lai đã được các cửa hàng vật liệu xác thực và số tiền bà B đã chuyển cho bà H qua tài khoản của các con bà H.

[4] Về án phí:

-Án phí dân sự sơ thẩm: Do nghĩa vụ của các đương sự thay đổi nên cần phải tính lại, cụ thể bà H phải chịu (90.000.000 đồng + 97.434.000 đồng) x 5% = 187.434.000 đồng x 5% = 9.371.700 đồng. Bà B phải chịu (506.000.000 đồng – 187.434.000 đồng) x 5% = 318.566.000 đồng x 5% = 15.928.300 đồng.

- Án dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị B được chấp nhận nên bà B không phải chịu; kháng cáo của bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bảnán sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tốtụng dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tốtụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng các điều 166, 280, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản”.

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 187.434.000 đồng (một trăm tám mươi bay triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng), trong đó có 97.434.000 đồng (chín mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tiền mua vật liệu, tiền công xây nhà và 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) tiền vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B với bị đơn bà Nguyễn Thị H đối với số tiền 318.566.000 đồng (ba trăm mười tám triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị B phải chịu 15.928.300 đồng (mười lăm triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm đồng), được trừ vào số tiền 12.120.000 đồng (mười hai triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009147 ngày 19 tháng 4 năm 2024. Còn lại 3.808.300 đồng (ba triệu, tám trăm lẽ tám nghìn, ba trăm đồng) bà Nguyễn Thị B tiếp tục nộp.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 9.371.700 đồng (chín triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị B không phải chịu, được trả lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009385 ngày 14 tháng 10 năm 2024.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009369 ngày 09 tháng 10 năm 2024.

5. Các quyết định khác của B3 sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Nguyễn Văn Thư	**Lê Quang Ninh**	**Trần Văn Nhum**